

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DSST

Ngày: 23 - 8 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Tuấn

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2022/TLST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 N, phường V, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng D - Chức vụ giám Giám đốc Chi nhánh Thái Bình (theo giấy ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL, ngày 27/12/2021).

Địa chỉ liên lạc: Số 264 T, tổ 10, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Thanh L - Chức vụ chuyên viên kiểm soát rủi ro (theo văn bản ủy quyền số 08/2022/GUQ-CNTBI, ngày 31-5-2022).

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn D, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Ông L có mặt, ông D xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn, ông Phan Thanh L trình bày: Ngày 07-04-2020, ông D có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) chi nhánh Thái Bình Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông D với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ là 5 năm, mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 22 hàng tháng. Lãi suất trong hạn là 31,2%/năm (2,6%/tháng), lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Theo Hợp đồng, ông D phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.804.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22-4-2021 ông D đã thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền 18.055.000 đồng. Từ ngày 22-04-2021 đến nay ông D không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào khác (nợ gốc và lãi). Ngân hàng nhiều lần đôn đốc nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên theo quy định của Ngân hàng sau 3 kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, ông D không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng sẽ chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy từ ngày 22-07-2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với ông D. Tính đến ngày 22-7-2021, ông D còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 18.239.260 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Từ thời điểm khách hàng vi phạm đến trước khi chuyển nợ nhóm 3, ngân hàng chỉ áp dụng lãi suất trong hạn để hỗ trợ khách hàng, từ khi khách hàng chuyển nợ nhóm 3, Ngân hàng mới áp dụng mức lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn. Tính đến hết ngày 23-8-2022, ông D còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 18.239.260 đồng; (Nợ phát sinh đầu kỳ 22-07-2021 + Giao dịch + phí trễ hạn + lãi + phí - thanh toán); Từ ngày 22-07-2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 18.239.260 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng ($2.6\% \times 150\%$), lãi 1 ngày là: $18.239.260 \text{ đồng} \times 3.9\% / 30 = 23.711 \text{ đồng}$. Từ ngày 22-07-2021 đến ngày 23-08-2022 = 9.413.267 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông D còn nợ Ngân hàng là 27.652.527 đồng (theo bảng sao kê chi tiết).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Văn D phải trả cho Ngân

hàng các khoản sau: Nợ gốc là 18.239.260 đồng; Lãi quá hạn: 9.413.267 đồng. Tổng cộng là 27.652.527 đồng (tính đến hết ngày 23-8-2022). Yêu cầu Tòa án buộc ông D phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký ngày 07-04-2020 giữa Ngân hàng và ông D cho đến khi ông D thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 02-8-2022 và đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đinh Văn D trình bày: Vào Ngày 07-04-2020, ông có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Thái Bình Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.804.000 đồng và đã thanh toán trả cho Ngân hàng được số tiền 18.055.000 đồng, số tiền nợ còn lại ông chưa thanh toán trả cho Ngân hàng. Từ ngày 22-4-2021, Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông trả nợ, tuy nhiên do dịch bệnh nên ông không có tiền để trả cho Ngân hàng được. Nay Ngân hàng yêu cầu ông phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 18.239.260 đồng, tiền lãi là 8.393.694 đồng, tổng số tiền là 26.632.954 đồng (đến ngày 12-7-2022) và tiếp tục trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng ông nhất trí, ông sẽ trả cho Ngân hàng khi có tiền.

Vì điều kiện công việc bận đi làm ăn xa nên ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án dân sự giữa ông và Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, Điều 464, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc ông D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Ông D còn phải chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên cho đến ngày ông D thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng. Về án phí: Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Đinh Văn D trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, vì vậy cần xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bị đơn ông D có nơi cư trú tại thôn T, xã V, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông D có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Ngân hàng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án dân sự giữa Ngân hàng và ông D và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 07-04-2020, Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông D có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (được gọi chung là Hợp đồng) trên cơ sở tự nguyện, nội dung của Hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, tuân thủ theo quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên là hợp đồng hợp pháp.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.804.000 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng vào ngày 22 hàng tháng, ông D phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến ngày 22-4-2021 ông D mới thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 18.055.000 đồng. Từ ngày 22-4-2021 đến nay ông D không trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Như vậy ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D phải trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự, cần buộc ông D phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 18.239.260 đồng.

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Ngân hàng, sau 3 kỳ thông báo giao dịch liên tiếp kỳ, ông D không thực hiện việc trả nợ nên Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy từ ngày 22-07-2021 Ngân

hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với ông D. Theo Hợp đồng tín dụng và giữa ông D và Ngân hàng, các bên có thỏa thuận về mức lãi và lãi quá hạn bằng 150% mức lãi trong hạn (nợ gốc là 18.239.260 đồng x 3.9% /30 = 23.711đồng/ ngày). Hội đồng xét xử thấy đây là hợp đồng vay giữa tổ chức tín dụng với cá nhân nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết theo hướng dẫn tại các Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Việc ông D không trả nợ theo đúng cam kết nên Ngân hàng buộc ông D phải thanh toán số tiền lãi quá hạn phải trả tính từ thời điểm Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (từ ngày ngày 22-07-2021 đến ngày 23-08-2022 = 9.413.267 đồng ngày 23-8-2022) và buộc ông D phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên cho đến ngày ông D thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Tính đến ngày 23-8-2022, ông D còn nợ Ngân hàng số tiền như sau: Nợ gốc là 18.239.260 đồng; Lãi quá hạn: 9.413.267 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 27.652.527 đồng.

[4] Về án phí: Ông D là bên vi phạm Hợp đồng tín dụng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật với số tiền là 27.652.527 đồng x 5% = 1.382.626 đồng. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 650.000 đồng.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, Điều 464, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Đinh Văn D.

2. Buộc ông Đinh Văn D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 07-4-2020, tính đến ngày 23-8-2022 với số tiền nợ gốc là 18.239.260

đồng; nợ lãi quá hạn là 9.413.267 đồng. Tổng cộng là 27.652.527 đồng, làm tròn số thành 27.652.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng). Kể từ ngày 24 - 8 -2022, ông Đinh Văn D phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần S trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quá hạn quy định trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 07-4-2020 cho đến ngày ông Đinh Văn D thực tế thanh toán xong nợ gốc tại Ngân hàng thương mại cổ phần S.

3. Về án phí: Ông Đinh Văn D phải chịu 1.382.626 đồng, làm tròn số thành 1.383.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên L thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003799 ngày 08-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà,
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy